

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 222 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số CICT/2023.66/CV-HSSE ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến hoàn thiện báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Cầu cảng số 2, 3, 4 - Bến cảng Cái Lân" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân, địa chỉ tại số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cầu cảng số 2, 3, 4 - Bến cảng Cái Lân, địa chỉ tại số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cầu cảng số 2, 3, 4 - Bến cảng Cái Lân.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 5700884515, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 06 tháng 9 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 5700884515.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Vận hành khai thác cảng biển, dịch vụ kho bãi, dịch vụ logistic.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I (thuộc số thứ tự 5 của Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP do Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân xác định tại Văn bản số CICT/2022.152/HSSE.CV ngày 03 tháng 10 năm 2022 và Văn bản số CICT/2023.66/CV-HSSE ngày 29 tháng 5 năm 2023).

- Tổng diện tích: 178.888,9 m².
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Công suất: Tiếp nhận tàu, thuyền Việt Nam và nước ngoài có trọng tải đến 69.000 DWT (tàu, thuyền ra, vào để bốc dỡ công-ten-nơ); có trọng tải đến 85.000 DWT giảm tải (chờ hàng tổng hợp, hàng rời, trừ hàng rời than, xi măng, clinker). Công suất tối đa của cảng là khoảng 01 triệu Teus/năm.
- Quy trình công nghệ sản xuất:
- + Quy trình xếp dỡ hàng rời/hàng đóng bao/hàng thiết bị/hàng tổng hợp,...
- (+) Nhập hàng: Tàu/Sà lan → Cầu tàu/Cầu bờ → Phễu/Gàu ngoạm/Khung nâng/Cầu dẫn → Xe tải → Qua cổng/Lưu kho.
- (+) Nhập hàng: Tàu/Sà lan → Cầu tàu/Cầu bờ → Tàu/Sà lan.
- (+) Xuất hàng: Sân bãi/Nhà kho → Xe tải/Sà lan/Tàu → Cầu tàu/Cầu bờ/Băng tải/Khung nâng/Gàu ngoạm → Tàu.
- + Quy trình xếp dỡ hàng lỏng:
- (+) Nhập hàng: Tàu → Máy bơm tàu → Đường ống → Bồn chứa.
- (+) Xuất hàng: Bồn chứa → Máy bơm → Đường ống → Tàu.
- + Quy trình xếp dỡ hàng container:
- (+) Nhập hàng: Tàu → Cầu tàu/Cầu bờ → Xe đầu kéo → Sân bãi cảng → Xe tải/Sà lan → Qua cổng.
- (+) Xuất hàng: Xe tải/Sà lan/Tàu → Sân bãi → Xe đầu kéo → Cầu tàu/Cầu bờ → Tàu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 05.. tháng 7... năm 2023 đến ngày 04 tháng 7.. năm 2030).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *ct*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân;
- Lưu: VT, KSONMT, Th.12.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **222**/GPMT-BTNMT ngày **05**. tháng **7**. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải.

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà văn phòng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà bảo dưỡng cầu;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ xưởng cơ khí, thiết bị;

1.2. Nguồn phát sinh nước thải công nghiệp:

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Vịnh Cửa Lục, có địa chỉ tại số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2320504$, $Y = 427027$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi được xả theo phương thức tự chảy ra cống thoát nước thải của cơ sở bằng ống uPVC, đường kính D60 đi ngầm trong lòng cống thoát nước mưa của cơ sở với tổng chiều dài thiết kế khoảng 323 m tính từ điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải ra vịnh Cửa Lục.

- Hình thức xả: Xả ngầm ra điểm xả nước thải tại vịnh Cửa Lục.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 03:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh, cột B ($K_q = 1,0$, $K_f = 1,2$ và $K_{QN} = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	120		
4	Asen (As)	mg/l	0,12		
5	Chì (Pb)	mg/l	0,6		
6	Đồng (Cu)	mg/l	2,4		
7	Kẽm (Zn)	mg/l	3,6		
8	Mangan (Mn)	mg/l	1,2		
9	Sắt (Fe)	mg/l	6,0		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	12		
11	Sunfua	mg/l	0,6		
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
13	Tổng Nitơ	mg/l	48		
14	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	7,2		
15	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng, nhà bảo dưỡng cầu, xưởng cơ khí thiết bị (tương ứng với các nguồn số 01, 02 và 03) (có 03 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 3 bể là 45 m³) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (dạng hợp khối) công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải từ khu vực rửa xe (tương ứng với nguồn số 04) được thu gom, dẫn qua máy phân ly dầu, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (dạng hợp khối) công suất 50 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (toàn bộ các nguồn thải số 01, 02, 03, 04) → Hồ thu gom → Bể lọc dầu → Ngăn 1 (ngăn yếm khí) → Ngăn 2 (ngăn hiếu khí) → Ngăn 3 (ngăn hiếu khí) → Ngăn 4 (ngăn hiếu khí) → Ngăn 5 (ngăn lắng, khử trùng) → Nguồn tiếp nhận (vịnh Cửa Lục).

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bổ sung duy trì bền hoạt tính vào ngăn sinh học hiếu khí nhằm duy trì hiệu suất xử lý của vi sinh vật; bổ sung hóa chất vào ngăn khử trùng.

- Định kỳ 6 tháng/lần nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong hồ thu gom tập trung (tổng dung tích khoảng 20,8 m³) để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố.

- Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay và không còn khả năng lưu chứa tại hồ thu tập trung, Công ty phải liên hệ nhà thầu đến thu gom và vận chuyển đi xử lý toàn bộ lượng nước thải trong hồ thu ngay lập tức.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải khu vực rửa xe) về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành giám sát chất lượng nước sau xử lý, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải, theo tài liệu kỹ thuật của nhà cung cấp và theo quy định của pháp luật.

3.4. Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **2.22** /GPMT-BTNMT ngày **05**. tháng **7**. năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực bốc dỡ hàng hóa tại bến tàu.
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sửa chữa, bảo dưỡng cầu.
- Nguồn số 03: Khu vực xưởng cơ khí sửa chữa thiết bị, máy móc.
- Nguồn số 04: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Khu vực đặt máy bơm chữa cháy.
- Nguồn số 06: Khu vực nhà điều hòa Chiller.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2312295,79; Y = 426953,22.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2320719,16; Y = 426896,75.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2320293,85; Y = 426861,29.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2320378,53; Y = 426781,04.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2320341,00; Y = 426798,98.
- Nguồn số 06: Tọa độ: X = 2320355,42; Y = 426782,65.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Máy móc, thiết bị cần được thiết kế lắp đặt phù hợp để giảm thiểu độ rung (Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị...)

1.2. Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *bt*

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 222/GPMT-BTNMT ngày 05 tháng 4 năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu thải (nếu không áp cụ thể theo nhóm mã 17)	15 02 05	6.170
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	500
3	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 04	560
4	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	19 03 01	500
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2.290
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		10.020

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Lốp cao su	15 01 10	50.520
2	Bao bì gỗ (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 07	50.520
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	50.520
4	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp khác với các loại trên	12 06 12	720
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		152.280

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	30
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	30

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng nhựa và thùng phuy kín có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Tổng diện tích kho: $14,4 \text{ m}^2 \times 5 = 72 \text{ m}^2$

- Thiết kế, cấu tạo: Công ty đã tiến hành cải tạo 05 thùng container tiêu chuẩn ISO đã qua sử dụng làm kho chứa chất thải nguy hại; nền đồ bê tông kín khí, trước cửa có gờ chắn đảm bảo không rò rỉ chất thải ra ngoài khi có sự cố rò rỉ từ các thiết bị lưu chứa chất thải trong kho, có trang bị các biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 30 m^2 .

- Thiết kế, cấu tạo: Cải tạo và sử dụng 01 container loại 40 feet tiêu chuẩn ISO (đã qua sử dụng) làm kho chứa chất thải công nghiệp thông thường. Kho chứa đảm bảo các điều kiện về kho lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường (có nền cao không bị ngập nước, tường và mái kín tránh mưa nắng, có cửa và biển chỉ báo).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt, bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **222** /GPMT-BTNMT ngày **05** tháng **7** năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 1248/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cảng container quốc tế Cái Lân” tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Giấy xác nhận số 45/GXN-TCMT ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Cảng container quốc tế Cái Lân”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu diesel sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật về môi trường và Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐCP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thực hiện trách nhiệm, yêu cầu đối với hoạt động nạo vét, duy tu theo quy định của pháp luật. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố tràn dầu và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. 

MÔI TRƯỜNG